

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG AN****BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2017/TT-BCA

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2017

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP
ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với
một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (sau đây viết gọn là Nghị định số 96/2016/NĐ-CP) về: Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; phương án bảo đảm an ninh, trật tự; thực hiện chế độ hậu kiểm; chế độ thông tin, báo cáo; kiểm tra cơ sở kinh doanh; trang phục của nhân viên dịch vụ bảo vệ; biểu mẫu phục vụ công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương.

Điều 2. Biểu mẫu phục vụ công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP (ký hiệu chung là ĐK), cụ thể như sau:

a) Biểu mẫu sử dụng cho cơ quan Công an, bao gồm:

- Giấy biên nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK1a);

- Giấy biên nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự qua Cổng thông tin điện tử (Mẫu ĐK1b);

- Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK2);

- Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK3);

- Phiếu xác minh lý lịch của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự là người Việt Nam ở trong nước (Mẫu ĐK4a);

- Phiếu xác minh lý lịch của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài (Mẫu ĐK4b);

- Biên bản kiểm tra cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK5a);

- Biên bản hậu kiểm đối với cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK5b);

- Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK6);

- Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK7);

- Báo cáo tình hình, kết quả công tác quản lý cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK8);

- Biên bản giao, nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK9);

- Sổ quản lý cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK10).

b) Biểu mẫu sử dụng cho cơ sở kinh doanh, bao gồm:

- Danh sách người làm trong cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (Mẫu ĐK11);

- Danh sách nhân viên đăng ký sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK12);

- Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các quy định về an ninh, trật tự trong cơ sở kinh doanh (Mẫu ĐK13);

- Sổ quản lý sản xuất con dấu (Mẫu ĐK14);

- Sổ quản lý kinh doanh súng quân dụng cầm tay hạng nhỏ, công cụ hỗ trợ, súng bắn sơn và các loại pháo (Mẫu ĐK15);

- Sổ quản lý kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Amoni nitrat hàm lượng cao từ 98,5% trở lên), (Mẫu ĐK16);

- Sổ quản lý kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; dịch vụ nổ mìn (Mẫu ĐK17);

- Sổ quản lý kinh doanh khí (Mẫu ĐK18);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ (Mẫu ĐK19);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ vũ trường, karaoke, dịch vụ xoa bóp (Mẫu ĐK20);

- Sổ quản lý kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; kinh doanh Casino (Mẫu ĐK21);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ đặt cược (Mẫu ĐK22);

- Sổ quản lý kinh doanh thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động; máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; thiết bị giám sát điện thoại di động; thiết bị phát tín hiệu cho xe được quyền ưu tiên (Mẫu ĐK23);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ đòi nợ (Mẫu ĐK24);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ (Mẫu ĐK25);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ lưu trú (Mẫu ĐK26);

- Sổ quản lý kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Mẫu ĐK27);

- Sổ quản lý đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ (Mẫu ĐK28);

- Sổ quản lý kinh doanh quân, áo, mũ quân phục, quân hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân (Mẫu ĐK29).

2. Quy cách biểu mẫu

Các biểu mẫu quy định tại khoản 1 Điều này được in đen trắng trên khổ giấy A4 (riêng biểu mẫu ĐK8 in trên khổ giấy A3).

3. Yêu cầu ghi biểu mẫu

a) Ghi đầy đủ, chính xác các cột, mục; chữ viết phải rõ ràng, thể hiện đầy đủ các nội dung thông tin trong từng biểu mẫu;

b) Màu mực để ghi biểu mẫu và nội dung thông tin trong biểu mẫu dùng màu xanh, tím than hoặc đen và chỉ viết một loại mực cho một nội dung hoàn chỉnh của biểu mẫu.

Công an các đơn vị, địa phương và cơ sở kinh doanh đã áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thì biểu mẫu được sử dụng trực tiếp trên máy vi tính nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung thông tin của các loại biểu mẫu đã ban hành theo Thông tư này.

4. In, quản lý các biểu mẫu và kinh phí bảo đảm thực hiện

a) Bộ Công an thống nhất quản lý các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Công an các đơn vị, địa phương, cơ sở kinh doanh tự in các loại biểu mẫu để sử dụng;

c) Quản lý các biểu mẫu:

- Công an các đơn vị, địa phương thực hiện quản lý các loại biểu mẫu sử dụng cho cơ quan Công an theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát;

- Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm quản lý các loại biểu mẫu sử dụng tại cơ sở kinh doanh.

d) Kinh phí in các loại biểu mẫu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ Công an cấp cho Công an các đơn vị, địa phương. Hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự trù kinh phí in các loại biểu mẫu gửi Cục Tài chính tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Đối với chi nhánh, cơ sở kinh doanh trực thuộc có địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm của cơ sở kinh doanh chính quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan Công an quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thì nộp hồ sơ cho cơ quan Công an có thẩm quyền quản lý cơ sở kinh doanh chính hoặc nộp cho cơ quan Công an có thẩm quyền nơi chi nhánh, cơ sở kinh doanh trực thuộc hoạt động để có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và trực tiếp quản lý.

Điều 4. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với các trường hợp quy định tại Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP do cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh thực hiện.

Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được cấp cho cơ sở kinh doanh để hoạt động kinh doanh nhiều ngành, nghề hoặc nhiều công đoạn của quá trình đầu tư thuộc một ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự nhưng cơ sở kinh doanh chỉ có hành vi vi phạm thuộc một hoặc một số ngành, nghề, công đoạn của quá trình đầu tư đến mức phải thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thì chỉ thu hồi Giấy chứng nhận đối với ngành, nghề hoặc công đoạn của quá trình đầu tư kinh doanh có hành vi vi phạm đó.

Điều 5. Phương án bảo đảm an ninh, trật tự

1. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm xây dựng phương án bảo đảm an ninh, trật tự đối với hoạt động của cơ sở của mình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

2. Trường hợp phương án bảo đảm an ninh, trật tự do cơ sở kinh doanh xây dựng chưa đáp ứng nội dung đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thì cơ quan Công an có thẩm quyền trực tiếp quản lý cơ sở kinh doanh có trách nhiệm hướng dẫn hoàn thiện.

3. Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an ninh, trật tự.

Điều 6. Thực hiện chế độ hậu kiểm

Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh, cơ quan Công an

quy định tại Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện chế độ hậu kiểm đối với cơ sở kinh doanh này theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, theo quy định sau:

1. Thông báo bằng văn bản gửi cơ sở kinh doanh nêu rõ nội dung hậu kiểm và thời gian thực hiện công tác hậu kiểm.

2. Nội dung hậu kiểm, gồm:

a) Kiểm tra về điều kiện đối với người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (chỉ áp dụng đối với trường hợp có nghi vấn) bằng hình thức xác minh lý lịch theo mẫu ĐK4a hoặc mẫu ĐK4b ban hành kèm theo Thông tư này đối với người Việt Nam ở trong nước hoặc người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài;

b) Kiểm tra trực tiếp các điều kiện về an ninh, trật tự tại cơ sở kinh doanh.

3. Việc hậu kiểm phải lập biên bản theo mẫu ĐK5b ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng một trong các điều kiện về an ninh, trật tự thì xử lý như sau:

a) Thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở kinh doanh tạm ngừng hoạt động kinh doanh ngành, nghề hoặc công đoạn của quá trình đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Luật doanh nghiệp năm 2014. Đồng thời, yêu cầu cơ sở kinh doanh khắc phục vi phạm về điều kiện an ninh, trật tự trong thời hạn 40 ngày theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP;

b) Trường hợp cơ sở kinh doanh có văn bản báo cáo đã khắc phục xong vi phạm điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì ghi cụ thể vào biên bản theo mẫu ĐK5b ban hành kèm theo Thông tư này để cơ sở kinh doanh tiếp tục hoạt động ngành, nghề hoặc công đoạn của quá trình đầu tư đã phải tạm ngừng kinh doanh trước đó;

c) Trường hợp trong thời hạn quy định tại điểm a khoản này, cơ sở kinh doanh không khắc phục được vi phạm điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an có thẩm quyền ra quyết định thu hồi không có thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề hoặc công đoạn của quá trình đầu tư mà cơ sở kinh doanh đã phải tạm ngừng hoạt động trước đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo**1. Đối với cơ quan Công an**

Định kỳ hàng quý (hoàn thành trong tuần đầu của quý tiếp theo) hoặc đột xuất, Công an cấp huyện báo cáo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội báo cáo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tình hình, kết quả công tác quản lý cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo mẫu ĐK8 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với cơ sở kinh doanh

a) Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý (hoàn thành trong tuần cuối cùng của quý) tình hình, kết quả thực hiện các quy định về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh theo mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan Công an trực tiếp quản lý;

b) Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm báo cáo đột xuất các vụ việc hoặc thông tin liên quan đến lĩnh vực an ninh, trật tự tại cơ sở kinh doanh gửi cơ quan Công an nơi gần nhất và cơ quan Công an trực tiếp quản lý.

Điều 8. Kiểm tra cơ sở kinh doanh**1. Kiểm tra định kỳ**

Cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thực hiện kiểm tra định kỳ cơ sở kinh doanh không quá một lần trong một năm và phải kết hợp kiểm tra các nội dung khác liên quan đến an ninh, trật tự (nếu có), cụ thể như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quyết định thành lập đoàn hoặc tổ kiểm tra (sau đây viết gọn là đoàn kiểm tra);

b) Lập kế hoạch kiểm tra

Phòng hướng dẫn quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đội đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh; Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp

huyện có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra định kỳ đối với cơ sở kinh doanh thuộc phạm vi quản lý, trình lãnh đạo có thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP phê duyệt.

c) Nội dung kế hoạch kiểm tra định kỳ, gồm:

- Lý do, căn cứ tiến hành kiểm tra;
- Mục đích, yêu cầu kiểm tra;
- Đối tượng kiểm tra;
- Nội dung kiểm tra;
- Thành phần đoàn kiểm tra;
- Thời gian tiến hành kiểm tra;

d) Thực hiện kiểm tra

- Trước khi thực hiện kiểm tra, cơ quan Công an có thẩm quyền phải có văn bản thông báo trước 05 ngày làm việc cho cơ sở kinh doanh về thời gian, địa điểm, nội dung kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho thành viên đoàn kiểm tra theo kế hoạch;

- Thành viên đoàn kiểm tra phải nghiên cứu, nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch kiểm tra; chủ động thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn kiểm tra;

- Nội dung kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt;

- Việc kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra theo mẫu ĐK5a ban hành kèm theo Thông tư này, có chữ ký của người lập biên bản, đại diện đoàn kiểm tra và người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự hoặc người đại diện của cơ sở kinh doanh. Biên bản kiểm tra phải lập ít nhất 02 bản và giao cho cơ sở kinh doanh 01 bản.

Trường hợp phát hiện cơ sở kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật trong hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thì ngoài việc lập biên bản kiểm tra còn phải lập biên bản vi phạm hành chính để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới các lĩnh vực khác nếu không thuộc thẩm quyền xử lý thì trường

đoàn kiểm tra phải kịp thời báo cáo lãnh đạo quản lý trực tiếp để xin ý kiến chỉ đạo; không được tự ý giải quyết công việc không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

đ) Kết thúc kiểm tra

- Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đã phê duyệt kế hoạch;

- Lãnh đạo có trách nhiệm phân công cán bộ theo dõi, đôn đốc việc khắc phục tồn tại, thiếu sót hoặc xử lý vi phạm của cơ sở kinh doanh (nếu có).

2. Kiểm tra đột xuất

Thủ trưởng các cơ quan Công an quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quyết định việc kiểm tra đột xuất đối với cơ sở kinh doanh, cụ thể như sau:

a) Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm đề xuất biện pháp, nội dung thực hiện công tác kiểm tra và báo cáo lãnh đạo phê duyệt và quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

b) Trường hợp vì lý do cấp thiết không thành lập đoàn kiểm tra mà lãnh đạo chỉ phân công cán bộ thực hiện thì cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra;

c) Đối với đoàn kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra thuộc các lực lượng nghiệp vụ khác không trực tiếp quản lý cơ sở kinh doanh thì cán bộ phụ trách đoàn kiểm tra phải xuất trình Giấy chứng minh Công an nhân dân cho người đại diện của cơ sở kinh doanh;

d) Nội dung kiểm tra, lập biên bản kiểm tra, kết thúc kiểm tra thực hiện theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 9. Quần, áo, giày, mũ, cầu vai, biển hiệu, phù hiệu ve áo, phù hiệu gắn trên mũ, biển hiệu của nhân viên dịch vụ bảo vệ

1. Quần, áo

a) Quần, áo xuân hè

- Quần màu xanh đen, kiểu âu phục; thân trước có xếp 02 ly; thân sau phía trên có 01 túi nhỏ bên phải;

- Áo sơ mi màu xanh da trời hoặc màu trắng, ngắn tay hoặc dài tay, cổ bẻ, thân trước có hai túi may ốp ngoài và có nẹp viền nổi ở giữa túi; nẹp áo bong; 02 vạt áo

có nẹp nổi chạy dọc ở giữa, cổ tay nẹp bong, thân sau có đố ngang vai; tay áo bên trái có gắn logo của doanh nghiệp cách mép cầu vai từ 05cm đến 06cm; trước ngực áo bên trái có gắn logo của doanh nghiệp, cách miệng túi áo từ 02cm đến 03cm.

(Logo của doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan Công an có thẩm quyền)

b) Quần, áo thu đông

- Quần như quần xuân hè;

- Áo ngoài kiểu veston dài tay, cùng màu quần, thân trước có túi may ộp ngoài, trước ngực áo bên trái có gắn logo của doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan Công an có thẩm quyền, cách miệng túi áo từ 02cm đến 03cm, tay áo bên trái có gắn logo cách mép cầu vai từ 05cm đến 06cm, cúc áo bằng nhựa màu đen; bên trong có áo sơ mi dài tay như trang phục mùa hè, cổ đứng, có thắt cà vạt màu xanh đen.

2. Giày, mũ

a) Giày da màu đen;

b) Mũ mềm, có lưới trai, màu cùng màu quần;

3. Cầu vai, phù hiệu, biển hiệu

a) Cầu vai

Chất liệu vải cứng, cùng màu quần, có vạch ngang bằng nỉ màu vàng, hai cạnh dọc cầu vai có viền lé màu đỏ; đầu nhỏ cầu vai có gắn cúc bằng kim loại màu trắng bạc (có hình nổi ngôi sao năm cánh và 02 bông lúa bắt chéo ôm lấy hình ngôi sao). Kích thước cầu vai và gạch ngang trên cầu vai được quy định như sau:

- Kích thước cầu vai: Chiều dài cầu vai là 125mm; chiều ngang: phần đầu lớn là 50mm, phần đầu nhọn là 40mm;

- Vạch ngang: Chất liệu vải, màu vàng nhạt; chiều rộng một vạch là 07mm, các vạch cách nhau 2,5mm. Cầu vai của nhân viên bảo vệ có 01 vạch, chỉ huy cấp đội có 02 vạch, chỉ huy cấp phòng có 03 vạch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó giám đốc doanh nghiệp có 04 vạch, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có 05 vạch.

b) Phù hiệu

- Phù hiệu gắn trên mũ: Bằng chất liệu kim loại hình tròn, đường kính 36mm, ở giữa có ngôi sao 05 cánh màu vàng nổi trên nền đỏ, liền với nền đỏ là nền xanh thẫm, có cạnh từng kếp bao quanh ngôi sao. Phía dưới ngôi sao có nửa vành bánh xe răng cưa và có chữ: “BẢO VỆ”;

- Phù hiệu gắn trên ve áo (sử dụng cho lãnh đạo doanh nghiệp): Hình bình hành; kích thước 5,5cm x 3,5cm; chất liệu bằng vải có màu sắc cùng màu với màu quần quy định tại Điều này.

c) Biển hiệu nhân viên bảo vệ: Kích thước 8,5cm x 5,5cm, nền màu xanh nhạt. Dòng trên cùng ghi tên doanh nghiệp (kiểu chữ in hoa màu đỏ), phía dưới ghi họ, tên của nhân viên bảo vệ (kiểu chữ in hoa màu đen) và có ảnh của người được cấp biển; dưới cùng là số biển.

4. Đối với nhân viên dịch vụ bảo vệ làm việc tại các mục tiêu cần bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động có thể sử dụng thêm trang phục, thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

5. Mẫu quần, áo, giày, mũ, cầu vai, biển hiệu, phù hiệu ve áo, phù hiệu gắn trên mũ, biển hiệu của nhân viên dịch vụ bảo vệ được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của Tổng cục Cảnh sát

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

2. Hướng dẫn việc ghi, sử dụng, quản lý các loại biểu mẫu ban hành theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và biểu mẫu ban hành tại Thông tư này.

3. Chỉ đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, cụ thể như sau:

a) Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh;

c) Ra văn bản chấp thuận để các cơ sở kinh doanh ngoài Quân đội, Công an kinh doanh: Quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an; linh kiện,

bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quản lý khi các cơ sở kinh doanh đáp ứng các điều kiện theo quy định;

d) Thực hiện công tác quản lý cơ sở kinh doanh; thường xuyên nắm tình hình, thu thập tài liệu liên quan đến công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở kinh doanh; xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

đ) Có văn bản thông báo cho cơ sở kinh doanh không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật phải tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

e) Thông báo bằng văn bản về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh gửi Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cơ sở kinh doanh hoạt động để phối hợp quản lý;

g) Thực hiện chế độ hậu kiểm đối với cơ sở kinh doanh thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, thanh tra theo quy định; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm về an ninh, trật tự theo thẩm quyền;

h) Hướng dẫn và tập huấn công tác bảo đảm an ninh, trật tự cho các cơ sở kinh doanh thuộc phạm vi quản lý;

i) Phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;

k) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan tới việc quản lý cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an và lãnh đạo Tổng cục Cảnh sát.

Điều 11. Trách nhiệm của Công an địa phương

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan Công an trong công tác quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

2. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ nâng cao hiệu quả công tác quản lý để phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật những cơ sở kinh doanh hoạt động khi chưa đăng ký hoặc chưa được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động theo quy định.

3. Ra văn bản chấp thuận để các cơ sở kinh doanh ngoài Quân đội, Công an thuộc thẩm quyền quản lý được sản xuất, mua, bán: Quần, áo, mũ quân phục; quân hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; kinh doanh máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; kinh doanh thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; kinh doanh thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các thiết bị giám sát điện thoại di động khác khi đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo đề xuất của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

4. Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và Công an cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại các điểm b, d, đ, g, h và k khoản 3 Điều 10 Thông tư này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến công tác quản lý cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;

b) Thông báo bằng văn bản về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ quan Công an nơi cơ sở kinh doanh hoạt động để phối hợp quản lý, cụ thể như sau: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gửi Công an cấp huyện; Công an cấp huyện gửi Công an cấp xã.

5. Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận thông báo của cơ sở kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, gồm: Văn bản thông báo hoạt động của các cơ sở kinh doanh; văn bản thông báo mục tiêu bảo vệ của cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ; văn bản thông báo của cơ sở kinh doanh dịch vụ đòi nợ; thông báo khách lưu trú của cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp xác nhận về bản khai lý lịch của người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh có hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý;

c) Xử lý các vụ việc vi phạm có liên quan đến lĩnh vực an ninh, trật tự tại cơ sở kinh doanh theo thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2017 và thay thế các Thông tư số 45/2009/TT-BCA(C11) ngày 14/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 52/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 về quản lý kinh doanh dịch vụ bảo vệ và Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Tô Lâm